

KỶ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2021
 Bài thi: NGOẠI NGỮ; Môn thi: TIẾNG TRUNG QUỐC
 Thời gian làm bài: 60 phút, không kể thời gian phát đề

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 ĐỀ THI CHÍNH THỨC
 (Đề thi có 03 trang)

Mã đề thi 608

Họ, tên thí sinh: [REDACTED]
 Số báo danh: [REDACTED]

Chọn phương án đúng (tương ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu/ hội thoại sau.

Câu 1: 我们今天_____复习语法, 别的都不学。
 A. 只 B. 最 C. 太 D. 很

Câu 2: _____社会文明程度的提高, 女性的才能在各行各业得到了充分发挥。
 A. 沿着 B. 顺着 C. 跟着 D. 随着

Câu 3: 早上你们吃面条_____米饭?
 A. 因 B. 也 C. 还是 D. 已经

Câu 4: 你等一会儿, 妈妈_____洗衣服呢。
 A. 更 B. 在 C. 常 D. 都

Câu 5: 患有慢性病的人认为志愿工作让_____。
 A. 他们更好地控制自己的慢性病
 B. 他们控制更好地自己的慢性病
 C. 慢性病更好地控制他们自己的
 D. 慢性病控制地更好他们自己的

Câu 6: 你们_____要进一步了解这个情况, _____可以找刘教授问一问。
 A. 即使……也……
 B. 如果……就……
 C. 虽然……却……
 D. 无论……都……

Câu 7: 这次活动_____提高了孩子的学习兴趣, _____使孩子更自信。
 A. 虽然……但……
 B. 既……又……
 C. 边……边……
 D. 尽管……也……

Câu 8: 小明: 这是我送你的礼物。
 小王: _____!
 A. 谢谢 B. 你好 C. 不用谢 D. 没关系

Câu 9: 我房间里的那_____电视已经坏了。
 A. 条 B. 台 C. 张 D. 本

Câu 10: 我和妹妹想去商店买几_____鞋。
 A. 口 B. 双 C. 位 D. 把

Câu 11: 老师, 第二十五课有_____生词?
 A. 多少 B. 谁 C. 怎么 D. 几

Câu 12: 他是我们学校的老师, 你认识他_____?
 A. 吗 B. 着 C. 过 D. 呢

Câu 13: 昨天他用中文给中国朋友写_____一封信。
 A. 得 B. 着 C. 地 D. 了

Câu 14: 阮新说他回国_____想到河内工作。
 A. 里 B. 外 C. 后 D. 中

Câu 15: 看见他那满面通红说不出话的样子, 黄经理忍不住_____。
 A. 摇摇头 B. 摇摇头了 C. 摇头摇头 D. 摇了摇头

Câu 16: 人走人行道, 车走车行道, 这样不仅能_____交通快捷便利, 还能保障生命安全。
 A. 保卫 B. 保证 C. 保护 D. 保存

Câu 17: 每天他都骑自行车_____学校。
 A. 去 B. 吃 C. 打 D. 干

Câu 18: 学生们都放假了, 学校很_____。
 A. 努力 B. 重要 C. 认真 D. 安静

Câu 19: 小张的孩子很喜欢画_____。
 A. 星期 B. 时间 C. 画儿 D. 音乐

Trang 1/3 - Mã đề thi 608

Câu 20: 我们都_____道张老师的电话号码。

- A. 只 B. 识 C. 失 D. 知

Câu 21: 我_____常喜欢你刚讲的那个故事。

- A. 排 B. 辈 C. 啡 D. 非

Câu 22: Phiên âm đúng của từ 现实 là: x_____shí

- A. uòn B. iò C. iòn D. ún

Câu 23: Phiên âm đúng của từ 回答 là: _____

- A. huí dò B. huí dā C. huí dó D. huí dō

Câu 24: Phiên âm đúng của từ 决心 là: jué_____lín.

- A. x B. l C. m D. p

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích cho từ/ cụm từ in đậm trong các câu sau.

Câu 25: 他的适应能力很强, 虽然刚调到咱们公司, 但是事情办得很**顺手**。

- A. 便利 B. 顺利 C. 随手 D. 顺便

Câu 26: 从考上这所大学的那**一刻**起, 我就决心学好专业。

- A. 每时每刻 B. 十五分钟 C. 时候 D. 空间

Câu 27: 我们打算明天上午八点**离开**。

- A. 关 B. 问 C. 买 D. 走

Câu 28: 别的班都已经行动起来了, 咱们为什么还**按兵不动**呢?

- A. 不再等待 B. 观察士兵 C. 按时行动 D. 暂不行动

Câu 29: 我觉得这个练习比较**容易**。

- A. 不贵 B. 不旧 C. 不新 D. 不难

Câu 30: 这帮年轻人做事都没有老年人快, 这也太**难看**了。

- A. 不漂亮 B. 没力气 C. 没面子 D. 不出色

Câu 31: 下午五点我们在**食堂**门口见。

- A. 睡觉的地方 B. 老人 C. 吃饭的地方 D. 同学

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong bài đọc, từ câu 32 đến câu 41.

在一个刮风下雨的晚上, 一对老年夫妇来(32)_____一家宾馆。他们带的东西很少, 手里(33)_____没多少钱。年老的男人对宾馆服务员说: “对不起, 我们找了所有的宾馆, 里面全都住满了。我们想在你这个地方借助一晚, 行吗?”

年轻的服务员说: “这两天, 有三个会同时在这个地方开, (34)_____附近的宾馆都住满了。不过, 天气这么坏, 你们二位这么(35)_____年纪, 没有地方住也不方便。要是你们不反对的话, 你们就睡我的床吧!”

“那你怎么办呢?” 那对夫妇问道。

“我身体很好, (36)_____地上躺一会儿就可以了。”

第二天早上, 老人给房钱的时候, 服务员(37)_____不要, 说: “我自己的床不是用来挣钱的, 我怎么可以要你们的钱呢?”

“年轻人, 你可以(38)_____世界上最好的经理。过些日子也许我要给你盖个大宾馆。”

服务员听了, 只把这句话当做开玩笑, 很高兴(39)_____大笑起来。

两年过去了。一天, 年轻人收到了两位老人寄来的一封信, 请他去访问他们。

年轻人找到了老人, 老人把他带到一个十字路口, (40)_____着一座高楼说: “这就是我们为你盖的宾馆, 你愿意做这个宾馆的经理吗?”

这位(41)_____的年轻人就是今天纽约一流的奥斯多利亚大饭店的经理乔治·波尔特, 那位老人就是威廉·奥斯多先生。

(李禄兴、玄书君, 《汉语阶梯快速阅读》, 北京语言大学出版社, 2005年, 有删改)

Câu 32: A. 到 B. 走 C. 送 D. 听

Câu 33: A. 也 B. 别 C. 不 D. 常

Câu 34: A. 而且 B. 但是 C. 所以 D. 只是

Câu 35: A. 少 B. 大 C. 小 D. 长

Câu 36: A. 跟 B. 对 C. 给 D. 在

- Câu 37: A. 坚持 B. 坚固 C. 坚强 D. 坚信
 Câu 38: A. 完成 B. 改为 C. 成为 D. 变化
 Câu 39: A. 着 B. 地 C. 了 D. 过
 Câu 40: A. 指 B. 站 C. 喝 D. 开
 Câu 41: A. 当年 B. 后年 C. 多年 D. 明年

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) của từ/ cụm từ trong ngoặc để hoàn thành các câu sau.

- Câu 42: 最近太忙了, 每天我都要A工作B十二点C才睡觉D。(到)
 Câu 43: A这是第一次B比赛, C所以我们有点儿D紧张。(跟他们班)
 Câu 44: 我姐姐A周末常B去C买东西D。(超市)

Câu 45: 旅游回来A以后, 我B一定会送给妈妈一份C礼物D。(有意思的)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 46 đến câu 50.

人生到底有多少天? 不同的人有不同的答案, 但我看, 人的一生无一例外地只有三天: 昨天、今天和明天。经营好这三天, 就经营好了一生。

昨天的日子很长, 说不清有多少天, 但不管有多少天, 也不管是失败还是成功, 都只能代表过去, 不能代表将来。比如昨天贫困的人将来可能会变成富翁; 昨天有钱的人将来可能会变为穷人; 昨天打工的人将来可能会变成老板。世上没有永远的胜利, 也没有永远的失败, 因此, 我们不必为昨天的失败而痛苦, 也不必为昨天的成功而骄傲。

今天的日子很短, 而且正在自己的脚下以秒计算地缩短。今天是昨天和明天的交接处。面对今天, 我们不要总是怀念过去, 过去的就让它过去吧, 只有从零开始, 全身心经营好今天, 才会取得最后的成功。今天的事一定要今天完成, 绝不能推到明天。如果总是面对今天望明天, 结果不但今天没有经营好, 明天也悄悄地溜走了。

明天的日子有多长? 谁也不知道。明天是成功还是失败? 谁也说不清楚。明天既向我们显示机遇, 又向我们发出挑战。明天的希望是美好的, 但通往明天的路不一定好走。可是不管怎么说, 明天只接受一直坚持、一直努力的人。

(陈香, 《新HSK模拟试卷及解析》, 华语教育出版社, 2011年, 有删改)

Câu 46: 关于人生, 作者认为:

- A. 有今天、明天、后天
 B. 只有今天
 C. 只有昨天
 D. 有昨天、今天、明天

Câu 47: 根据第二段, 昨天:

- A. 代表成功 B. 代表失败
 C. 代表过去 D. 代表将来

Câu 48: 关于今天, 下面哪项不正确?

- A. 今天连接昨天和明天
 B. 今天的事要今天做完
 C. 今天要从零开始
 D. 今天的日子很长

Câu 49: 关于明天, 下面哪项正确?

- A. 不接受努力的人
 B. 不接受坚持的人
 C. 有机遇也有挑战
 D. 一定会很美好的

Câu 50: 根据本文, 我们知道:

- A. 我们应该经营好时间
 B. 每天都要怀念过去的事情
 C. 穷人一定会变成富翁
 D. 通往明天的路一定会好走

HẾT

Đáp án đề thi THPT quốc gia tiếng Trung năm 2021 - Mã đề 608

1.A	2.D	3.C	4.B	5.A	6.B	7.B	8.A	9.B	10.B
11.A	12.A	13.D	14.C	15.D	16.B	17.A	18.D	19.C	20.D
21.D	22.C	23.C	24.A	25.B	26.C	27.D	28.D	29.D	30.C
31.C	32.A	33.A	34.C	35.B	36.D	37.A	38.C	39.B	40.A
41A	42.B	43.B	44.C	45.C	46.D	47.C	48.D	49.C	50.A